

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **30/2020/HS -ST**

Ngày : 11 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Phong

Ông Nguyễn Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trục Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2020/ HSST ngày 24 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/HSST-QĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Vũ Đình T - Sinh năm: 1992 tại Nam Định

Nơi ĐKKHKT: xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 4, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Vũ Ngọc L (Đã chết năm 2017); con bà: Vũ Thị L (Đã chết năm 1993); Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 09/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng. Đến ngày 27/12/2019 chấp hành xong.

Nhân thân:

- Ngày 20/5/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy” và bị phạt 5.000.000 đồng.

- Ngày 29/6/2017 bị Công an huyện Xuân Trường xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Hình thức: Phạt tiền 500.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/03/2020 đến ngày 12/3/2020; bị tạm giam từ 12/3/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị hại

Bà Đào Thị M – Sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm N, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định

3. Người làm chứng:

Anh Đào Đình Đ – Sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm 5, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 26/02/2020, Vũ Đình Đ điều khiển xe mô tô BKS 18E1 – 33.849 của gia đình đi đến nhà Vũ Đình T rồi chở T đến cửa hàng cầm đồ Tiến Đạt của vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Đào Thị M mục đích để T cầm cố chứng minh thư và sổ hộ khẩu của gia đình và Đ lấy lại giấy phép lái xe đã cầm cố tại cửa hàng trước đó. Đến nơi, Đ để xe ở lề đường trước cửa hàng và cùng T đi vào gặp bà M đang nằm ở ghế salon tại gian quầy hàng cầm đồ. Đ nói lấy lại bằng lái xe đã cầm cố, bà M đứng dậy đi vào phía trong tủ quầy lấy giấy phép lái xe mô tô để trong ngăn tủ dưới trả cho Đ. Lúc này, T đứng ngay cạnh Đ bên ngoài quầy đối diện với bà M, phát hiện trên cổ bà M có đeo 01 sợi dây chuyền vàng tây (loại 10K, dây được chế tác hình dạng xoắn ốc có gắn với một mặt vàng tây hình giọt nước, trên mặt này có đính 01 viên đá nhỏ loại đá thường) nên nảy sinh ý định nếu không cầm cố được giấy tờ sẽ giật lấy sợi dây chuyền của bà M bỏ chạy để chiếm đoạt. T ghé sát vào tai Đ nói nhỏ: “Đ ơi, trên cổ bà ý có đeo sợi dây chuyền” (ý rủ Đ cùng giật lấy sợi dây chuyền của bà M rồi cùng nhau bỏ chạy). Khi T nói, Đ đang lấy tiền để trả cho bà M, nên không để ý và không hiểu ý T nên không nói gì, nên tiếp tục lấy 110.000đ trả cho bà M và lấy lại giấy phép lái xe. Sau đó, Đ và T nói bà M cầm cố giấy tờ cho T nhưng bà M không đồng ý. Đ đi ra ngồi trên xe máy của mình và lùi xe máy ra vị trí giữa cửa của cửa hàng mục đích chờ T đi ra để chở T đi về. T tiếp tục nói bà M cầm cố đồng thời tìm cơ hội để giật sợi dây chuyền. Bà M đứng dậy đi vào trong tủ quầy, T cũng đứng dậy đi theo và đứng ở đầu tủ quầy. Khi bà M đang quay mặt đi từ trong tủ quầy ra ngoài, lợi dụng lúc bà M không để ý, T bất ngờ dùng tay phải đưa lên cổ bà M chớp lấy sợi dây chuyền định giật lấy và bỏ chạy thì bị bà M phát hiện. Bà M lập tức dùng 2 tay giữ tay T lại và giằng co giữ lại sợi dây chuyền đồng thời chửi T, truy hô và dùng tay tát vào mặt T, đẩy T ra. Thấy bà M phản kháng và truy hô, T sợ bị người dân phát hiện đến bắt giữ nên đã bỏ tay khỏi sợi dây chuyền. Lúc này, bà M chạy ra ngoài cửa nhà tiếp tục truy hô. T thấy vậy liền lấy sổ hộ khẩu

và chứng minh thư đi ra chỗ Đ. Trong khi đang lùi xe máy, nghe thấy tiếng bà M truy hô, Đ quay mặt vào trong cửa hàng thì thấy T đang để tay trên cổ bà M, hai bên giằng co, T bị bà M tát nên Đ nghĩ giữa bà M và T xảy ra xô xát đánh nhau. T ra và ngồi lên sau xe máy và nói: “Đi rồi, Đ ơi”. Bà M rút dép ở chân định đánh T thì Đ nổ máy kéo ga chở T đi về hướng thị trấn Cổ Lễ. Trên đường về, Đ hỏi T đã làm gì mà bị bà M đuổi và chửi, T trả lời do bà M không cầm cố giấy tờ cho T nên tức quá định tát bà M. Sau đó, Đ chở T về nhà rồi đi lên thành phố Hà Nội xin việc làm. Đến sáng ngày 27/02/2020, ông Nguyễn Văn Đ điện thoại cho Đ nói việc Đ cùng T cướp dây chuyền của bà M. Lúc này Đ mới hiểu và biết hành vi của T.

Sau khi Vũ Đình T và Đào Đình Đ phóng xe đi, bà M đã làm đơn trình báo sự việc đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Trục Ninh. Cơ quan CSĐT Công an huyện Trục Ninh đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, lập biên bản thu giữ video hình ảnh trích từ camera an ninh tại cửa hàng lưu vào USB.

Ngày 28/2/2020 Đào Đình Đ đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Trục Ninh trình báo sự việc trên.

Ngày 3/3/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Trục Ninh bắt khẩn cấp đối với Vũ Đình T.

Bản kết luận định giá tài sản số 02 ngày 10/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trục Ninh của UBND huyện Trục Ninh xác định 01 sợi dây chuyền vàng của bà M có trị giá là 4.302.200 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 21/QĐ - KSĐT ngày 23 tháng 4 năm 2020 VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố bị cáo Vũ Đình T về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 BLHS.

Đại diện VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng nêu trên và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Vũ Đình T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 38; Điều 57 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Đình T từ 15-18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và xin HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm được đoàn tụ cùng gia đình, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Về hình phạt đề nghị xử lý nghiêm đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng về hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ trực tiếp xâm hại tới quyền sở hữu của công dân - là quan hệ xã hội thuộc khách thể đã được BLHS ghi nhận và bảo vệ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc cướp giật tài sản người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, điều đó chứng tỏ bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra.

Ngoài lời khai nhận của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản ghi lời khai người làm chứng, bị hại; Kết luận định giá tài sản.

Từ những chứng cứ nêu trên - HĐXX nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi lợi dụng sơ hở của người khác nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của bị cáo Vũ Đình T ngày 26/02/2020 đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” - Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 BLHS.

Vì vậy, để đảm bảo trật tự pháp luật, phòng ngừa chung tình hình tội phạm, việc áp dụng biện pháp trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là điều cần thiết. Việc VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo về hành vi “Cướp giật tài sản” tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 23 tháng 4 năm 2020, là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã được các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự huyện Trục Ninh xác định là vụ án được xử lý theo trình tự án trọng điểm.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, xét nhân thân bị cáo - HĐXX thấy cần thiết phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung tình hình tội phạm như đề nghị của Đại diện VKS là phù hợp.

Việc bị cáo không chiếm đoạt được sợi dây chuyền của bà M là do bà M phản kháng chống cự, truy hô, bị cáo sợ bị bắt nên buộc phải chấm dứt hành vi phạm tội của mình là nằm ngoài ý muốn của bị cáo nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội chưa đạt.

[3] Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc tới tình tiết: Bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ mất sớm - Đề giảm nhẹ 1 phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để vừa thể hiện tính nhân đạo, công bằng của pháp luật XHCN, vừa đảm bảo tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo.

[5] Về hình phạt: Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra, xét nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tương đối nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tác dụng giáo dục phòng ngừa chung tình hình tội phạm

[6] Vật chứng: Đối với 01 sợi dây chuyền vàng tây của bà M, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà M.

Việc Đ cầm cố giấy phép lái xe tại cửa hàng Tiến Đạt lấy 120.000 đồng. Sau khi xảy ra vụ án, bà M đã giao nộp giấy phép lái xe này cho CQĐT để phục vụ điều tra. Quá trình điều tra, giữa bà M và Đ đã tự thỏa thuận tiền cầm cố với nhau. CQĐT đã trả lại cho Đ giấy phép lái xe.

Xét thấy việc xử lý vật chứng của CQCSĐT Công an huyện Trục Ninh là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bà Đào Thị M không có đề nghị bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Vũ Đình T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt Bị cáo Vũ Đình T 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 3 năm 2020.

2. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Vũ Đình T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo Vũ Đình T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- Bị cáo
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà